



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Đường lối CM của Đảng CSVN (200104-21)

CBGD

TS. Lê Quang Hải

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	11221005	TRẦN THỊ	AI	01/01/82	1	5	Năm	Thư	
2	11221006	NGUYỄN HOÀNG	ANH	01/11/92	2	6	Sau	Thư	
3	11221007	NGUYỄN HOÀNG	ANH	27/02/93	1	5	Năm	anh	
4	11221009	NGUYỄN VĂN	BỀN	14/04/68	1	5	Năm	Thư	
5	11221010	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	01/01/89	1	5	Năm	Thư	
6	11221011	ĐẶNG HÙNG	CƯỜNG	1 / 65	1	5	✓	✓	
7	11221015	HUỲNH NGUYỄN TRỌNG	DUY	30/10/81	2	6	Sau	Thư	
8	11221013	BÙI TẤN	DƯƠNG	30/02/89	1	5	Năm	Thư	
9	11221002	HUỲNH VĂN	ĐIỀN	13/09/75	2	6	Sau	Thư	
10	11221003	ĐẶNG THANH	ĐIỀU	08/02/82	1	5	Năm	Thư	
11	11221001	HUỲNH RẠNG	ĐÔNG	22/11/92	1	5	✓	✓	
12	11221004	LÊ HỮU	ĐỨC	28/11/74	1	4	Bôn	Thư	
13	11221016	NGUYỄN TÚ	EM	24/06/87	1	5	Năm	Thư	
14	11221017	PHAN TRƯỜNG	GIANG	04/07/93	1	5	Năm	Thư	
15	11221020	MAI HỒNG	HẠNH	26/08/84	2	5	Năm	Thư	
16	11221018	VÕ THỊ THANH	HẰNG	20/02/77	1	5	✓	✓	
17	11221022	LÂM TRỌNG	HIẾU	21/05/91	1	5	Năm	Thư	
18	11221023	LÊ PHÚ	HUY	08/07/74	1	4	Bôn	Thư	
19	11221024	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN	11/03/84	1	5	Năm	Thư	
20	11221019	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	28/02/85	1	5	✓	✓	
21	11221025	TRẦN NAM	KHA	08/05/92	2	5	Năm	Thư	
22	11221026	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	10/11/82	1	4	Bôn	Thư	
23	11221028	HUỲNH PHI	LONG	19/02/81	1	5	✓	✓	
24	11221029	NGÔ HOÀNG	LONG	09/01/83	1	5	Năm	Thư	
25	11221027	HUỲNH THIỆU	LƯƠNG	16/12/92	1	5	✓	✓	
26	11221030	HUỲNH HOÀNG	MINH	28/10/87	1	5	Năm	Thư	
27	11221032	NGUYỄN VĂN	NHÀN	01/01/73	1	4	Bôn	Thư	
28	11221033	ĐÀO KIM	NHÀN	26/10/93	1	5	Năm	Thư	
29	11221031	LÊ TRỌNG	NHÂN	01/10/81	1	6	Sau	Thư	
30	11221034	TRẦN THANH	NUÔI	1 / 87	1	5	✓	✓	
31	11221040	LÊ HOÀI	PHONG	15/12/81	1	4	Bôn	Thư	
32	11221037	NGUYỄN THANH	PHÚ	20/11/88	1	5	Năm	Thư	

(Signature)

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Đường lối CM của Đảng CSVN (200104-21)

CBGD

Ts. Hoàng Hải

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
33	11221039	NGUYỄN THANH PHÚC	27/12/88	✓	✓	✓	✓	
34	11221035	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	30/04/82	2	6	Sai	✓	
35	11221036	LƯƠNG NGỌC PHƯƠNG	05/11/78	1	5	Năm	✓	
36	11221041	HUỖNH THANH SANG	18/08/90	1	4	Bỏ	✓	
37	11221042	PHAN VĂN SANG	17/04/84	✓	✓	✓	✓	
38	11221043	TRƯƠNG THANH SANG	25/12/80	1	5	Năm	✓	
39	11221044	NGUYỄN NHẤT SINH	20/12/87	1	5	Năm	✓	
40	11221046	LÊ THÀNH TẤN	1 / 93	✓	✓	✓	✓	
41	11221054	NGUYỄN PHÚ THANH	10/01/84	✓	✓	✓	✓	
42	11221049	VÕ TRƯỜNG THÀNH	26/02/83	2	6	Sai	✓	
43	11221050	MAI VĂN THẢO	26/03/79	1	5	Năm	✓	
44	11221052	PHẠM THỊ HỒNG THẨM	05/12/84	1	5	Năm	✓	
45	11221053	HUỖNH MINH THẮNG	1 / 85	1	5	Năm	✓	
46	11221048	VÕ THÀNH THUẬN	25/10/82	1	5	Năm	✓	
47	11221047	LÊ THỊ ANH THƯ	15/07/83	1	5	Năm	✓	
48	11221058	MAI THANH TOÀN	06/06/86	1	5	Năm	✓	
49	11221045	TRẦN BẢO TỒN	01/10/84	1	5	Năm	✓	
50	11221056	HUỖNH MINH TÓI	07/09/80	1	6	Sai	✓	
51	11221061	VÕ THANH TRAI	12/02/82	1	6	Sai	✓	
52	11221059	NGUYỄN HẢI MINH TRÂN	12/10/83	2	6	Sai	✓	
53	11221064	TRẦN MINH TRÍ	1 / 82	1	5	Năm	✓	
54	11221063	VÕ MINH TRÍ	05/07/89	1	5	Năm	✓	
55	11221062	PHẠM VĂN TRỌNG	01/04/92	1	5	Năm	✓	
56	11221060	ÔN THANH TRƯƠNG	1 / 74	2	6	Sai	✓	
57	11221066	ĐỒNG VĂN TUẤN	1 / 85	1	5	Năm	✓	
58	11221069	HUỖNH ANH TUẤN	28/08/89	1	5	Năm	✓	
59	11221065	HUỖNH VĂN TUẤN	16/08/90	1	5	Năm	✓	
60	11221070	NGUYỄN VĂN TUẤN	20/04/77	1	5	Năm	✓	
61	11221067	VÕ ANH TUẤN	11/08/77	2	5	Năm	✓	
62	11221057	LÊ MINH TÙNG	17/11/78	1	6	Sai	✓	
63	11221071	MAI THANH TUYỀN	01/08/72	1	5	Năm	✓	
64	11221072	NGUYỄN ANH VŨ	17/10/90	1	5	Năm	✓	
65	11221073	NGUYỄN TẤN VŨ	30/02/89	✓	✓	✓	✓	

[Handwritten signature]

In Ngày 18/07/13

Ngày 10 Tháng 08 Năm 2013

53 bài
68 từ

Cán Bộ Coi Thi 1

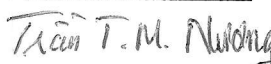


Cán Bộ Coi Thi 2

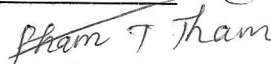


Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1



Cán Bộ Chấm Thi 2



In Ngày 18/07/13


TS. Võ Thị Hồng

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2013


TS. Lương Hải